

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án
“Đường tránh thị trấn Kiên Lương, đoạn đầu từ ĐT.971 đến trạm điện
Kiên Bình thuộc Quốc lộ 80” của UBND huyện Kiên Lương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định Báo cáo Đánh giá tác động
môi trường dự án “Đường tránh thị trấn Kiên Lương, đoạn đầu từ ĐT.971 đến
trạm điện Kiên Bình thuộc Quốc lộ 80” cuộc họp ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang;*

*Xét nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường tại Công văn số
1900/STNMT-BVMT ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi
trường về kết quả thẩm định Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án
“Đường tránh thị trấn Kiên Lương, đoạn đầu từ ĐT.971 đến trạm điện Kiên Bình
thuộc Quốc lộ 80” và nội dung giải trình, chỉnh sửa tại Văn bản số 65/CV-BQL
ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Kiên
Lương;*


*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
44/TTr-STNMT ngày 11 tháng 01 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án “Đường tránh thị trấn Kiên Lương, đoạn đầu từ ĐT.971 đến trạm điện Kiên Bình thuộc Quốc lộ 80” với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.



Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Kiên Lương;
- UBND thị trấn Kiên Lương;
- UBND xã Kiên Bình;
- LĐVP; P.KT, TT.PVHCC;
- Lưu: VT, ptduy (10 bản).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân



PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐƯỜNG TRÁNH THỊ TRẤN KIÊN LƯƠNG (ĐIỂM ĐẦU ĐT.971 ĐẾN TRẠM ĐIỆN KIÊN BÌNH THUỘC QL80)”

(Kèm theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1 Tên dự án: “Đường tránh thị trấn Kiên Lương, đoạn đầu từ ĐT.971 đến trạm điện Kiên Bình thuộc Quốc lộ 80”.

Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương.

Địa điểm thực hiện: Tuyến tránh đi qua xã Kiên Bình và Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

1.2 Phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ của dự án

- Phạm vi dự án:

+ Điểm đầu của dự án tại Km 1+442 Đường tỉnh ĐT.971 thuộc địa phận thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang;

+ Điểm cuối của dự án tại Km179+510 Quốc lộ 80 (gần trạm điện Kiên Bình) thuộc địa phận xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang;

+ Tổng chiều dài toàn tuyến là 10.620m, bao gồm 5 cầu và 8 cống.

- Quy mô của dự án:

+ Dự án thuộc nhóm B.

+ Quy mô đầu tư của dự án: Tuyến đường được xây dựng theo Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005, với cấp thiết kế cấp III đồng bằng, gồm 2 làn xe cơ giới, quy mô mặt rộng nền đường 12,0m, mặt rộng cầu 12,0 m. Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 80$ Km/h.

1.3 Các hạng mục, công trình chính của dự án

TT	Tên hạng mục	Quy mô	Tỷ lệ (%)
1	Phần đường	Có chiều dài 9.953,62m, đầu tư theo quy mô đường cấp III đồng bằng với 2 làn xe cơ giới, mặt rộng nền đường 12,0m (trong đó: Mặt đường 7,0m; lề đường gia cố 2,0m x 02 bên = 4,0m; lề đường không gia cố 0,5m x 02 bên = 1,0m), kết cấu áo đường cán đá láng nhựa, mặt đường cấp cao A2. Vận tốc thiết kế 80km/h.	93,73

TT	Tên hạng mục	Quy mô	Tỷ lệ (%)
2	Phần cầu	Xây dựng mới 05 cầu, với tổng chiều dài 520,88m, bao gồm các cầu: Kênh Tám Thước (dài 217,8m), Kênh Lung Kha Na (dài 132,26m), Kênh Cống Mới (dài 56,8m), Kênh Chùa (dài 56,8m), Kênh Đê Bao (dài 56,8m). Tải trọng thiết kế: HL93; bộ hành 3×10^{-3} Mpa, mặt cắt ngang cầu 12,0 m (trong đó phần xe chạy 11,0m; gờ lan can 2 bên $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$), kết cấu BTCT. Tiêu chuẩn thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017.	4,9
3	Phần thoát nước	Xây dựng 08 cống ngang thoát nước với tổng chiều dài là 145,5m tại vị trí phù hợp đối với các kênh không có nhu cầu lưu thông thủy (cống tròn, $d=200$), kênh có nhu cầu phục vụ nông nghiệp nhưng không lớn (cống vuông, $300 \times 300\text{cm}$ và $600 \times 600\text{cm}$) bằng BTCT, tải trọng thiết kế HL93.	1,37
4	Nút giao	Thi công 02 nút giao ngã ba, thiết kế dạng nút giao cùng mức, tốc độ thiết kế rẽ phải 40km/h, rẽ trái 15 km/h, bán kính rẽ $R \geq 57\text{m}$, chiều dài làn tăng tốc 120m, chiều dài làn giảm tốc 30m, chiều dài đoạn chuyển tiếp 35m, kết cấu áo đường như kết cấu thiết kế đường, tổ chức giao thông bằng hệ thống đảo, vạch sơn, biển báo hiệu.	
	Tổng cộng	10.620m	100

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1 Các tác động môi trường chính của dự án

- Hoạt động phá dỡ các công trình hạ tầng trên đất như nhà cửa, cây cối;
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, xúc bốc đất;
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình;
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

2.2 Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân khoảng 05 m³/ngày; thành phần các chất ô nhiễm gồm tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform,...

- Nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công phát sinh với khối lượng tối đa khoảng 4,7 m³/ngày.đêm/công trường thi công và hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng phát sinh nước thải với khối lượng tối đa khoảng 8,0 m³/ngày.đêm/công trường thi công. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

- Nước thải bơm cát phát sinh với lưu lượng khoảng 208,67 m³/ngày với thành phần chủ yếu là đất, cát, cành lá cây, chất rắn lơ lửng,...

2.3 Quy mô, tính chất của khí thải

Khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển đất thải, đá thải, phế thải và hoạt động tại các trạm trộn bê tông xi măng phát sinh chủ yếu là bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

2.4 Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn thông thường phát sinh bao gồm:

- Hoạt động phá dỡ nhà cửa, các công trình hạ tầng, dọn dẹp mặt bằng phát sinh chất thải với khối lượng khoảng 31.579,41 m³. Thành phần chủ yếu gồm: Đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu, cây xanh,...

- Đất bóc tầng mặt đất chuyên trồng lúa giai đoạn giải phóng mặt bằng: khối lượng khoảng 29.0367 m³.

- Hoạt động đào, đắp phát sinh chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng khoảng 56.656,59 m³. Thành phần chủ yếu gồm: Bùn thải, đất đá thải.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình: Chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng khoảng 70,43 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là mẫu sắt, thép, xà bần, bao bì,...

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

2.5 Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án bao gồm:

- Dầu nhớt thải khoảng 10 lít/tháng;

- Các loại bao bì, giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, khoảng 05 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1 Về thu gom và xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng nhà vệ sinh di động; mỗi công trường đặt 01 cái có dung tích 1.000 lít và thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

b) Nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công tại công trường thi công: Mỗi công trường thi công hệ thống cầu rửa xe kích thước $L \times B \times H = 3\text{m} \times 2\text{m} \times 0,5\text{m}$, công và 01 bể lắng cấu tạo 03 ngăn, kích thước mỗi ngăn $L \times B \times H = 1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$ để tách váng dầu.

Quy trình thu gom: Nước thải \rightarrow bể lắng 03 ngăn \rightarrow váng dầu + cặn lắng + nước.

Nước rửa sau khi được lắng cặn làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công; cặn lắng tái sử dụng; váng dầu thu gom vào thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại.

c) Nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông: xây dựng tại công trường 01 bể lắng có dung tích khoảng 18 m^3 , kích thước mỗi ngăn $L \times B \times H = 2\text{m} \times 2\text{m} \times 1,5\text{m}$ để thu gom, lắng cặn; nước thải sau khi lắng cặn được bơm lên bồn trộn để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông.

d) Giảm thiểu tác động do nước thải từ hoạt động bơm cát: Thực hiện đắp bờ bao xung quanh khu đất cần san lấp, mặt đê được đầm chặt đảm bảo hệ số $K > 0,9$ đảm bảo hạn chế tối đa nguy cơ sạt lở đê bao. Tiến hành bơm cát gián đoạn vào nền đường: Khi cát được bơm gần bằng với cao trình đê bao thì ngưng bơm cát, di dời đoạn ống bơm cát theo chiều dài đoạn đường để nước rút xuống sau đó tiếp tục bơm. Trong quá trình san lấp nước theo cao độ và vị trí bơm cát chảy về hướng tiếp giáp đoạn mương lân cận thoát nước thải san lấp. Bố trí máy bơm hút nước qua mương nội đồng. Lưu lượng xả thải: $208,67\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

3.2 Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Sinh khối tươi từ hoạt động phát quang, chặt hạ cây cối: Hợp đồng với các thương lái thu mua ngay khi chặt hạ cây cối, phần cây bụi thì thực hiện thu gom và ủ vào các hố trồng cây làm phân bón.

- Rác thải sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác (mỗi thùng 120 lít) có nắp đậy tại mỗi công trường thi công và khu lán trại để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, ký hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt với đơn vị thu gom chất thải của địa phương thu gom hàng ngày.

- Sắt thép vụn, bao bì xi măng được thu gom về lán trại và định kỳ vận chuyển ra bán phế liệu; ván gỗ, cốp pha được thu gom và bảo quản để sử dụng cho công trình khác; đất, đá, gạch vỡ được tận dụng để tấn lè đường; toàn bộ khối lượng bùn hữu cơ, đất đào nền thừa được sử dụng để lấp lè tại các vị trí ao mương, vùng trũng, dọc theo tuyến để đảm bảo giữ ổn định lè đường.

3.3 Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 10 m² tại công trường thi công đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; bố trí 03 thùng chứa chuyên dụng (mỗi thùng 60 lít, có nắp đậy kín dán dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa theo quy định). Định kỳ hợp đồng với đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại phù hợp thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.4 Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung

- Phủ kín vật liệu bằng vải bạt khi chuyên chở vật liệu, lựa chọn nhà thầu thi công có máy móc, thiết bị hiện đại đạt tiêu chuẩn quy định.

- Định kỳ bảo dưỡng và kiểm tra xe, thiết bị thi công để giảm tiếng ồn, độ rung phát ra từ động cơ.

- Kiểm soát và quản lý môi trường nơi phương tiện ra vào khu vực thi công, các phương tiện trước khi vào tuyến vận chuyển sẽ được làm sạch bùn đất bám tại lốp xe.

- Bố trí thời gian và tuyến đường vận chuyển của các phương tiện hợp lý để giảm thiểu tác động của khí thải. Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, không vận chuyển quá tốc độ.

- Thường xuyên phun nước tại các vị trí, công đoạn phát sinh bụi; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận.

- Ngăn ngừa phát tán bụi tại các bãi chứa vật liệu: Các bãi chứa đất tạm thời có thể tích lớn hơn 20 m³ sẽ sử dụng bạt hoặc tole vây quanh để tránh phát tán bụi.

- Xây dựng kho bãi tập kết nguyên vật liệu tại khu vực cuối hướng gió, xa khu dân cư, sử dụng bạt hoặc tole che chắn.

- Hạn chế thi công ban đêm (từ 21h - 5h sáng), nếu thi công vào ban đêm chỉ sử dụng những máy móc thiết bị có mức âm nguồn thấp.

- Vào ban ngày khi thi công cách các khu dân cư tập trung khoảng 200m sẽ lựa chọn máy móc thiết bị có mức âm nguồn thấp;

- Thực hiện các biện pháp vệ sinh và hoàn nguyên: Đảm bảo vệ sinh, an toàn trong quá trình sử dụng, bảo dưỡng đường, bảo đảm người dân đi lại bình thường, an toàn và khôi phục như trạng thái ban đầu trước khi bàn giao cho địa phương.

3.5 Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình láng nhựa đường

- Lập kế hoạch chi tiết và thông báo với chính quyền và người dân gần tuyến chủ động trong công tác sinh hoạt và kinh doanh.

- Tiến hành vệ sinh vào thời gian có ít phương tiện qua lại, ưu tiên vệ sinh vào các giờ ban đêm. Sử dụng bạt che chắn đối với những vị trí nhạy cảm với

những đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp.

- Quá trình vệ sinh làm sạch mặt đường sẽ sử dụng thiết bị có gầm sàn thấp và thuộc loại được phủ kín nhằm giảm thể tích vùng khoảng không tạo gió gây ô nhiễm bụi.

- Sử dụng loại nhựa đường có chất lượng tốt. Trải thảm nhựa đường thực hiện cuối hướng gió để hạn chế tác động do sức nóng và mùi hôi phát sinh.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động phòng bụi như khẩu trang, quần áo, kính cho công nhân khi thi công.

3.6 Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái

Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống ruộng và đất canh tác của dân dọc tuyến; bố trí cống thoát nước qua đường với kích thước phù hợp theo thỏa thuận với địa phương để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước theo đúng yêu cầu; bảo đảm mọi hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng đến hoạt động lấy nước phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế dân sinh khác của người dân khu vực Dự án; thực hiện hoàn nguyên môi trường và thanh thải lòng sông, kênh khu vực Dự án ngay sau khi kết thúc thi công.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động hoạt động thi công tới nguồn nước

Xây dựng đê quay ngăn nước và hệ thống khung vây thép xung quanh vị trí thi công móng trụ cầu để ngăn nước mặt chảy trực tiếp vào bên trong vị trí xây dựng và tràn đổ đất ra bên ngoài;

3.7 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, khai thông các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở: Định kỳ thực hiện giám sát xói lở trong suốt quá trình thi công các công trình cầu vượt sông/kênh nhằm phát hiện và xử lý kịp thời. Trường hợp xảy ra sạt lở hoặc tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, phải dừng mọi hoạt động có liên quan và phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, trình cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, chấp thuận theo quy định trước khi thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông: Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông

đường bộ trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; lắp dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông.

- Biện pháp giảm thiểu nguy cơ ngập úng, cản trở thoát lũ: Thiết kế, thi công hệ thống cống thoát nước đồng bộ trên toàn tuyến để đảm bảo khả năng thoát nước; độ cao nền đường, thủy văn cầu, cống đã được tính toán, xem xét đến các kịch bản biến đổi khí hậu.

- Biện pháp giảm thiểu nguy cơ sự cố tai nạn giao thông: Lắp đặt đầy đủ và định kỳ kiểm tra, bảo trì hệ thống an toàn giao thông trên tuyến theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom, lắng và thoát nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công: Hệ thống cầu rửa xe có kích thước L x B x H = 3m x 2m x 0,5m, cống và 01 bể lắng cấu tạo 03 ngăn, kích thước mỗi ngăn L x B x H = 1m x 1m x 1m để tách váng dầu.

- Xử lý nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông: Xây dựng tại công trường 01 bể lắng 03 ngăn có dung tích khoảng 18m³, kích thước mỗi ngăn L x B x H = 2m x 2m x 1,5m.

- Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 10 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Chỉ tiêu	Tần suất giám sát	QCVN so sánh
I	Giám sát chất lượng nước mặt: tại hạ lưu cách vị trí thi công xây dựng cầu 50 m.				
1	Kênh Tám Thước	NM1	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Tổng dầu mỡ	03 tháng/lần trong suốt thời gian thi công dự án	08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.
2	Kênh Lung Kha Na	NM2			
3	Kênh Cống Mới	NM3			
4	Kênh Chùa	NM4			

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Chỉ tiêu	Tần suất giám sát	QCVN so sánh
5	Kênh Đê Bao và cống (kênh Vành Đai)	NM5			
II Giám sát chất lượng không khí					
1	Điểm đầu tuyến giao với ĐT.971	KK1	Bụi, SO ₂ , NO ₂ , CO, độ ồn, độ rung	03 tháng/lần trong suốt thời gian thi công dự án	QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung
2	Khu dân cư khu vực cầu Tám Thước	KK2			
3	Khu dân cư khu vực cầu Lung Kha Na bờ trái	KK3			
4	Khu dân cư khu vực cầu Lung Kha Na bờ phải	KK4			
5	Điểm cuối tuyến giao với QL.80	KK5			
III	Giám sát chất thải nguy hại		Ghi chép khối lượng, thành phần chất thải phát sinh tại thời điểm đưa vào khu vực lưu giữ.		